

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

L.M.C.

★ S.Đ.K. ★

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-41
<i>Trong đó:</i>	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14-41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2020
Ông Trương Ngọc Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2020
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên	
Bà Trần Kim Khánh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hương	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Quang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 576/BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 10 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		746.353.592.293	523.993.043.124
110	I. Tài sản tài chính		743.196.669.022	521.427.391.111
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	39.393.612.396	35.225.128.890
111.1	1.1 Tiền		39.061.591.396	34.914.828.890
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		332.021.000	310.300.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	276.653.130.030	83.459.238.292
114	4. Các khoản cho vay	5	392.962.283.007	384.525.157.266
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(18.507.844.370)	(18.507.844.370)
117	7. Các khoản phải thu	7	51.429.329.349	33.716.373.152
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		51.429.329.349	33.716.373.152
118	8. Trả trước cho người bán		351.357.000	2.220.300.600
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2.414.699.263	2.296.245.948
122	12. Các khoản phải thu khác	7	2.017.952.567	2.010.641.553
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		3.156.923.271	2.565.652.013
131	1. Tạm ứng		1.003.201.000	98.151.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.003.796.271	1.891.409.873
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		149.926.000	576.091.140
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		163.220.540.330	158.955.166.167
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		13.568.000.000	10.800.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	9	13.568.000.000	10.800.000.000
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		13.568.000.000	10.800.000.000
220	II. Tài sản cố định		132.368.492.084	131.064.594.948
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.780.150.501	1.988.773.349
222	- Nguyên giá		17.310.514.934	15.543.351.913
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.530.364.433)	(13.554.578.564)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	128.588.341.583	129.075.821.599
228	- Nguyên giá		157.496.618.798	157.496.618.798
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.908.277.215)	(28.420.797.199)
250	V. Tài sản dài hạn khác		17.284.048.246	17.090.571.219
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		830.258.200	855.258.200
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	16.453.790.046	16.235.313.019
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		909.574.132.623	682.948.209.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		456.615.546.763	240.173.217.717
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		456.615.546.763	240.173.217.717
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	259.041.653.117	199.892.189.825
312	1.1 Vay ngắn hạn		259.041.653.117	199.892.189.825
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14	37.710.000.000	30.220.000.000
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	2.477.239.572	1.666.456.231
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		401.645.875	392.496.075
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		187.750.499	70.802.499
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.889.369.486	2.151.791.400
323	11. Phải trả người lao động		25.908.386	892.500.858
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		38.073.200	19.005.400
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.293.413.272	4.468.325.197
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		156.000.000	156.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	152.394.493.356	243.650.232
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		452.958.585.860	442.774.991.574
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	452.958.585.860	442.774.991.574
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(6.432.000.000)	(9.200.000.000)
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.233.758.436	5.315.204.926
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.233.758.436	5.315.204.926
417	7. Lợi nhuận chưa phân phối		49.923.068.988	44.344.581.722
417.1	7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		63.054.304.407	52.428.893.412
417.2	7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.131.235.419)	(8.084.311.690)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		909.574.132.623	682.948.209.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	51.467.800.000	50.180.420.000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	96.055.870.000	64.075.470.137
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	5.883.336.600.000	4.970.746.940.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		4.435.117.850.000	3.998.467.470.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		15.091.860.000	16.730.220.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.371.483.920.000	921.483.920.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		105.540.000	105.540.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		61.537.430.000	33.959.790.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	13.803.320.000	12.574.280.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		13.433.320.000	12.284.280.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		370.000.000	290.000.000
026	7. Tiền gửi của khách hàng	24	245.426.194.113	354.503.529.598
027	7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		245.419.527.963	354.496.863.448
030	7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.666.150	6.666.150
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	245.419.527.963	354.496.863.448
031.1	8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		245.397.751.185	354.476.723.128
031.2	8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		21.776.778	20.140.320
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	6.666.150	6.666.150

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.342.700.415	960.210.573
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.597.152.215	505.711.311
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	806.379.343	400.648.102
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	939.168.857	53.851.160
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.449.482.474	19.719.050.362
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	13.967.374.858	9.200.937.839
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5.650.000.000	247.572.211
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.895.956.434	1.162.733.644
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.359.545.454	2.216.800.000
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	511.913.961	711.833.560
20		Cộng doanh thu hoạt động	49.176.973.596	34.219.138.189
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	8.853.041.529	636.382.326
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	2.999.738.457	1.341.932.098
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.853.303.072	(705.549.772)
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	4.037.217.629	5.225.694.038
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	62.369.609	65.522.745
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.427.395.987	4.484.208.554
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.750.000.000	156.600.000
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	944.382.413	813.210.775
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	230.000.000	1.296.744.084
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	2.636.494	2.493.470
40		Cộng chi phí hoạt động	24.307.043.661	12.680.855.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
44	3.1 Doanh thu khác về đầu tư		5.486	10.902.349
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		5.486	10.902.349
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	15.614.403.528	16.874.342.294
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		9.255.531.893	4.674.842.252
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	31	18.808.877	10.136.185
72	8.2 Chi phí khác	32	76.312.101	16.800.001
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(57.503.224)	(6.663.816)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.198.028.669	4.668.178.436
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		14.244.952.398	3.561.980.562
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(5.046.923.729)	1.106.197.874
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	1.782.434.383	984.225.455
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.782.434.383	984.225.455
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>7.415.594.286</u>	<u>3.683.952.981</u>
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(5.046.923.729)	1.106.197.874
400	Tổng thu nhập toàn diện		(5.046.923.729)	1.106.197.874
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	187	93

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		9.198.028.669	4.668.178.436
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.993.600.493	6.043.265.900
03	- Khấu hao tài sản cố định		956.382.864	817.571.862
06	- Chi phí lãi vay		4.037.217.629	5.225.694.038
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		5.853.303.072	(705.549.772)
11	- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		5.853.303.072	(705.549.772)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(806.379.343)	(400.648.102)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(806.379.343)	(400.648.102)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(79.449.252.677)	2.781.230.245
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(198.240.815.467)	7.460.169.070
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(8.437.125.741)	(9.033.013.871)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(17.712.956.197)	7.302.770.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	20.300.000
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(118.453.315)	241.141.332
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		418.854.126	(117.947.120)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(905.050.000)	312.438.249
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(3.174.911.925)	131.657.687
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(112.386.398)	198.196.406
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.770.631.369)	-
44	- Lãi vay đã trả		(4.037.217.629)	(5.225.694.038)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		1.878.093.400	260.175.069
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		19.067.800	101.631.900
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		725.775.072	(195.705.966)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(866.592.472)	(956.865.383)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		153.078.574.465	3.116.022.589
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(193.477.027)	(834.045.679)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.210.699.786)	12.386.476.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.260.280.000)	(145.300.000)
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(2.260.280.000)</i>	<i>(145.300.000)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		4.708.313.403.409	6.081.955.020.766
73.2	3.2 Tiền vay khác		4.708.313.403.409	6.081.955.020.766
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.641.673.940.117)	(6.121.256.657.858)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(4.641.673.940.117)	(6.121.256.657.858)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>66.639.463.292</i>	<i>(39.301.637.092)</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		4.168.483.506	(27.060.460.385)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		35.225.128.890	32.455.984.291
101.1	- Tiền		34.914.828.890	32.165.984.291
101.2	- Các khoản tương đương tiền		310.300.000	290.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		39.393.612.396	5.395.523.906
103.1	- Tiền		39.061.591.396	5.085.223.906
103.2	- Các khoản tương đương tiền		332.021.000	310.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		3.875.844.870.000	2.645.403.296.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(4.142.753.949.600)	(2.619.217.286.500)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		159.727.700.549	(30.307.573.570)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.895.956.434)	(1.162.733.644)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		45.439.319.583	34.682.434.750
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(45.439.319.583)	(34.950.696.355)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(109.077.335.485)	(5.552.558.519)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		354.503.529.598	152.465.894.793
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		354.503.529.598	152.465.894.793
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		354.496.863.448	152.459.228.643
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	6.666.150
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		245.426.194.113	146.913.336.274
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		245.426.194.113	146.913.336.274
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		245.419.527.963	146.638.408.519
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	274.927.755


Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ			
		01/01/2019		01/01/2020		30/06/2019		30/06/2020	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(10.400.000.000)	(9.200.000.000)	4.600.000.000	2.400.000.000	2.768.000.000	-	(8.200.000.000)	(6.432.000.000)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.869.146.569	5.315.204.926	446.058.357	-	918.553.510	-	5.315.204.926	6.233.758.436
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.869.146.569	5.315.204.926	446.058.357	-	918.553.510	-	5.315.204.926	6.233.758.436
7. Lợi nhuận chưa phân phối		26.925.584.404	44.344.581.722	3.683.952.981	892.116.714	7.415.594.286	1.837.107.020	29.717.420.671	49.923.068.988
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		35.913.526.111	52.428.893.412	2.577.755.107	892.116.714	12.462.518.015	1.837.107.020	37.599.164.504	63.054.304.407
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8.987.941.707)	(8.084.311.690)	1.106.197.874	-	(5.046.923.729)	-	(7.881.743.833)	(13.131.235.419)
TỔNG CỘNG		423.263.877.542	442.774.991.574	9.176.069.695	3.292.116.714	12.020.701.306	0103.837907.020	429.147.830.523	452.958.585.860

Ub

Luho



Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng

Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL vào Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chi tiêu: chi tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chi tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chi tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả các chi nhánh CTV của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	7.352.778	5.403.192.203.959
- Cổ phiếu	3.745.951	48.930.084.500
- Trái phiếu	2.502.151	2.293.811.731.234
- Chứng khoán khác	1.104.676	3.060.450.388.225
Của nhà đầu tư	716.576.130	7.867.915.510.200
- Cổ phiếu	713.491.020	7.513.321.822.700
- Trái phiếu	3.000.000	353.656.000.000
- Chứng khoán khác	85.110	937.687.500
	723.928.908	13.271.107.714.159

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	39.061.591.396	34.914.828.890
Các khoản tương đương tiền	332.021.000	310.300.000
	39.393.612.396	35.225.128.890

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	30.981.091.540	19.066.730.825	32.711.176.889	25.777.001.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.708.773.909	57.491.899.205	42.940.842.956	41.790.706.755
Trái phiếu	50.094.500.000	50.094.500.000	15.891.530.137	15.891.530.137
Giấy tờ có giá	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
	289.784.365.449	276.653.130.030	91.543.549.982	83.459.238.292

b) Các khoản cho vay

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hoạt động margin	357.385.817.624	335.185.800.563
Hoạt động ứng trước tiền bán	35.576.465.383	49.339.356.703
	392.962.283.007	384.525.157.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	289.784.365.449	91.543.549.982	276.653.130.030	83.459.238.292	-	54.648.633	(13.131.235.419)	(8.138.960.323)	276.653.130.030	83.459.238.292
Cổ phiếu niêm yết	30.981.091.540	32.711.176.889	19.066.730.825	25.777.001.400	-	54.648.633	(11.914.360.715)	(6.988.824.122)	19.066.730.825	25.777.001.400
- SHN	27.467.958.457	27.467.958.457	16.207.170.000	21.069.321.000	-	-	(11.260.788.457)	(6.398.637.457)	16.207.170.000	21.069.321.000
- VGC	2.430.186.665	2.430.186.665	1.905.000.000	1.840.000.000	-	-	(525.186.665)	(590.186.665)	1.905.000.000	1.840.000.000
- Cổ phiếu lẻ khác	1.082.946.418	2.813.031.767	954.560.825	2.867.680.400	-	54.648.633	(128.385.593)	-	954.560.825	2.867.680.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.708.773.909	42.940.842.956	57.491.899.205	41.790.706.755	-	-	(1.216.874.704)	(1.150.136.201)	57.491.899.205	41.790.706.755
- BSR	850.208.903	850.208.903	345.000.000	410.000.000	-	-	(505.208.903)	(440.208.903)	345.000.000	410.000.000
- PVO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Giấy An Hòa	26.842.300.000	7.700.000.000	26.842.300.000	7.700.000.000	-	-	-	-	26.842.300.000	7.700.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.781.883.002	25.114.006.552	25.781.883.002	25.114.006.552	-	-	-	-	25.781.883.002	25.114.006.552
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	-	3.230.000.000	3.230.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	957.605.000	957.605.000	-	-	-	-	957.605.000	957.605.000
- Khác	1.046.777.004	5.089.022.501	335.111.203	4.379.095.203	-	-	(711.665.801)	(709.927.298)	335.111.203	4.379.095.203
Trái phiếu khác	50.094.500.000	15.891.530.137	50.094.500.000	15.891.530.137	-	-	-	-	50.094.500.000	15.891.530.137
Giấy tờ có giá	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	-	-	-	-	150.000.000.000	-
	289.784.365.449	91.543.549.982	276.653.130.030	83.459.238.292	-	54.648.633	(13.131.235.419)	(8.138.960.323)	276.653.130.030	83.459.238.292

Ghi chú:

(*) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	18.507.844.370	18.507.844.370
	<u>18.507.844.370</u>	<u>18.507.844.370</u>

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	51.429.329.349	33.716.373.152
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.414.699.263	2.296.245.948
Phải thu khác	2.017.952.567	2.010.641.553
	<u>55.861.981.179</u>	<u>38.023.260.653</u>

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<u>Từ 01/01/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019</u>
	<u>đến 30/06/2020</u>	<u>đến 30/06/2019</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.517.850.220	3.517.850.220
Trích lập/hoàn nhập	-	-
	<u>3.517.850.220</u>	<u>3.517.850.220</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này			Số cuối kỳ VND	Kỳ trước VND
		Số đầu kỳ	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND		
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	-	(940.655.553)	(940.655.553)
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	13.568.000.000	10.800.000.000
	<u>13.568.000.000</u>	<u>10.800.000.000</u>

Tại ngày 30/06/2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	220.000.001	13.413.898.912	1.909.453.000	15.543.351.913
Mua trong kỳ	-	2.260.280.000	-	2.260.280.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(493.116.979)	-	(493.116.979)
Tại ngày 30/06/2020	<u>220.000.001</u>	<u>15.181.061.933</u>	<u>1.909.453.000</u>	<u>17.310.514.934</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	220.000.001	11.978.638.964	1.355.939.599	13.554.578.564
Khấu hao trong kỳ	-	416.253.850	52.648.998	468.902.848
Thanh lý, nhượng bán	-	(493.116.979)	-	(493.116.979)
Tại ngày 30/06/2020	<u>220.000.001</u>	<u>11.901.775.835</u>	<u>1.408.588.597</u>	<u>13.530.364.433</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	-	1.435.259.948	553.513.401	1.988.773.349
Tại ngày 30/06/2020	<u>-</u>	<u>3.279.286.098</u>	<u>500.864.403</u>	<u>3.780.150.501</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.622.913.833 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Tại ngày 30/06/2020	<u>125.000.000.000</u>	<u>32.496.618.798</u>	<u>157.496.618.798</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	28.420.797.199	28.420.797.199
Khấu hao trong kỳ	-	487.480.016	487.480.016
Tại ngày 30/06/2020	<u>-</u>	<u>28.908.277.215</u>	<u>28.908.277.215</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	125.000.000.000	4.075.821.599	129.075.821.599
Tại ngày 30/06/2020	<u>125.000.000.000</u>	<u>3.588.341.583</u>	<u>128.588.341.583</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.741.322.249	14.522.845.222
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.592.467.797	1.592.467.797
Số dư cuối kỳ	<u>16.453.790.046</u>	<u>16.235.313.019</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>01/01/2020</u>	<u>Số vay trong kỳ</u>	<u>Số trả trong kỳ</u>	<u>30/06/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	199.892.189.825	4.695.273.403.409	4.636.123.940.117	259.041.653.117
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽¹⁾	199.892.189.825	4.690.523.403.409	4.636.123.940.117	254.291.653.117
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ⁽²⁾	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
	<u>199.892.189.825</u>	<u>4.695.273.403.409</u>	<u>4.636.123.940.117</u>	<u>259.041.653.117</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Vay Ngân hàng TMCP An Bình bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

(2) Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Hà Nam: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

14 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH**Trái phiếu thường**

	<u>30/06/2020</u>			<u>01/01/2020</u>		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Trái phiếu phát hành	37.710.000.000			30.220.000.000		
- Loại phát hành theo mệnh giá	37.710.000.000	9,5%	12 tháng	30.220.000.000	9,5%	12 tháng
	<u>37.710.000.000</u>			<u>30.220.000.000</u>		

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	589.587.768	611.823.175
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	191.875.061	174.491.857
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.695.776.743	880.141.199
	<u>2.477.239.572</u>	<u>1.666.456.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.932.459	158.732.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.334.802.274	1.322.999.260
Thuế Thu nhập cá nhân	1.547.634.753	652.087.864
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.972.276
	2.889.369.486	2.151.791.400

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.164.240.619	1.652.100.755
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	129.172.653	2.816.224.442
	1.293.413.272	4.468.325.197

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI	150.000.000.000	-
Tập đoàn Geleximco - CTCP	2.071.475.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	323.018.356	243.650.232
	152.394.493.356	243.650.232

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Tập đoàn Geleximco - CTCP	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Nguyễn Văn Anh	6,76%	26.840.950.000	6,76%	26.840.950.000
Ông Vũ Đức Chính	5,20%	20.650.000.000	5,20%	20.650.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	9,57%	38.002.500.000	9,57%	38.002.500.000
Các cổ đông khác	15,54%	61.647.400.000	15,54%	61.647.400.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	63.054.304.407	52.428.893.412
Lợi nhuận chưa thực hiện	(13.131.235.419)	(8.084.311.690)
	49.923.068.988	44.344.581.722

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn		
	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	52.428.893.412	35.913.526.111
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	(13.131.235.419)	(7.881.743.833)
Lãi/lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	12.462.518.015	2.577.755.107
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	51.760.176.008	30.609.537.385
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	1.837.107.020	892.116.714
- Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	918.553.510	446.058.357
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	918.553.510	446.058.357
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán	53.597.283.028	31.501.654.099
d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
e) Cổ phiếu		
	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.314.070.000	26.635.490.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	630.000	630.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	23.153.100.000	23.153.100.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	391.200.000
	51.467.800.000	50.180.420.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	96.055.870.000	64.075.470.137
	96.055.870.000	64.075.470.137

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.435.117.850.000	3.998.467.470.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	15.091.860.000	16.730.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.371.483.920.000	921.483.920.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	105.540.000	105.540.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	61.537.430.000	33.959.790.000
	5.883.336.600.000	4.970.746.940.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	13.433.320.000	12.284.280.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	370.000.000	290.000.000
	13.803.320.000	12.574.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	245.419.527.963	354.496.863.448
1. Nhà đầu tư trong nước	245.397.751.185	354.476.723.128
2. Nhà đầu tư nước ngoài	21.776.778	20.140.320
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
	<u>245.426.194.113</u>	<u>354.503.529.598</u>

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	245.419.527.963	354.496.863.448
1.1 Nhà đầu tư trong nước	245.397.751.185	354.476.723.128
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	21.776.778	20.140.320
	<u>245.419.527.963</u>	<u>354.496.863.448</u>

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6.666.150	6.666.150
	<u>6.666.150</u>	<u>6.666.150</u>

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	357.385.817.624	335.185.800.563
1.1 Phải trả gốc margin	357.385.817.624	335.185.800.563
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>357.385.817.624</i>	<i>335.185.800.563</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	35.576.465.383	49.339.356.703
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	35.576.465.383	49.339.356.703
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>35.576.465.383</i>	<i>49.339.356.703</i>
	<u>392.962.283.007</u>	<u>384.525.157.266</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

28 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	3.069.885.200	3.009.532.845	70.462.750	10.110.398	49.451.311	-	49.451.311	1.341.932.098
Cổ phiếu chưa niêm yết	13.918.354.000	14.894.466.847	510.702	976.623.550	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	1.128.959.758.631	1.130.649.002.740	323.760.400	2.013.004.509	-	-	-	-
Giấy tờ có giá	1.456.326.403.294	1.454.123.984.931	2.202.418.363	-	456.260.000	-	456.260.000	-
	2.602.274.401.125	2.602.676.987.363	2.597.152.215	2.999.738.457	505.711.311	1.341.932.098	505.711.311	1.341.932.098

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
			VND	VND	VND	VND	
FVTPL	289.784.365.449	276.653.130.030	(13.131.235.419)	(8.084.311.690)	(5.046.923.729)		
Cổ phiếu niêm yết	30.981.091.540	19.066.730.825	(11.914.360.715)	(6.934.175.489)	(4.980.185.226)		
- SHN	27.467.958.457	16.207.170.000	(11.260.788.457)	(6.398.637.457)	(4.862.151.000)		
- VGC	2.430.186.665	1.905.000.000	(525.186.665)	(590.186.665)	65.000.000		
- Cổ phiếu lẻ khác	1.082.946.418	954.560.825	(128.385.593)	54.648.633	(183.034.226)		
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.708.773.909	57.491.899.205	(1.216.874.704)	(1.150.136.201)	(66.738.503)		
- BSR	850.208.903	345.000.000	(505.208.903)	(440.208.903)	(65.000.000)		
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	26.842.300.000	26.842.300.000	-	-	-		
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.781.883.002	25.781.883.002	-	-	-		
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-		
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	-	-	-		
- Khác	1.046.777.004	335.111.203	(711.665.801)	(709.927.298)	(1.738.503)		
Trái phiếu chưa niêm yết	50.094.500.000	50.094.500.000	-	-	-		
- Trái phiếu khác	50.094.500.000	50.094.500.000	-	-	-		
Giấy tờ có giá	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-		
	289.784.365.449	276.653.130.030	(13.131.235.419)	(8.084.311.690)	(5.046.923.729)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	939.168.857	53.851.160
Từ các khoản cho vay	21.449.482.474	19.719.050.362
	22.388.651.331	19.772.901.522
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	511.913.961	711.833.560
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	81.818.182	217.363.636
- Doanh thu khác	430.095.779	494.469.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	511.913.961	711.833.560
29 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	2.636.494	2.493.470
- Chi phí từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	2.636.494	2.493.470
	2.636.494	2.493.470
30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	8.704.742.436	9.049.771.848
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	570.828.328	764.174.118
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	956.382.864	817.571.862
Chi phí thuế, phí và lệ phí	10.846.000	10.636.000
Chi phí khác	5.371.603.900	6.232.188.466
	15.614.403.528	16.874.342.294

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Các khoản khác	18.808.877	10.136.185
	18.808.877	10.136.185

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Các khoản khác	76.312.101	16.800.001
	76.312.101	16.800.001

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.198.028.669	4.668.178.436
Các khoản điều chỉnh tăng	244.812.100	306.800.000
- Chi phí không hợp lệ	244.812.100	306.800.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(530.668.857)	(53.851.160)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(530.668.857)	(53.851.160)
Tổng thu nhập tính thuế	8.912.171.912	4.921.127.276
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.782.434.383	984.225.455
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.782.434.383	984.225.455

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.415.594.286	3.683.952.981
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.415.594.286	3.683.952.981
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	187	93

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro của công ty được thiết lập nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra để Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách hiệu quả an toàn.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.393.612.396	-	35.225.128.890	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	276.653.130.030	-	83.459.238.292	-
Các khoản cho vay	392.962.283.007	(18.507.844.370)	384.525.157.266	(18.507.844.370)
Các khoản phải thu	55.861.981.179	(3.517.850.220)	38.023.260.653	(3.517.850.220)
Đầu tư dài hạn	13.568.000.000	-	10.800.000.000	-
	778.439.006.612	(22.025.694.590)	552.032.785.101	(22.025.694.590)
Công cụ nợ tài chính			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Vay và nợ			296.751.653.117	230.112.189.825
Phải trả người bán, phải trả khác			155.273.378.803	2.302.602.538
Chi phí phải trả			1.293.413.272	4.468.325.197
			453.318.445.192	236.883.117.560

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở một mức độ hợp lý các khoản vay và các nguồn vay thích hợp từ việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.393.612.396	-	-	39.393.612.396
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	276.653.130.030	-	-	276.653.130.030
Các khoản cho vay	374.454.438.637	-	-	374.454.438.637
Các khoản phải thu	52.344.130.959	-	-	52.344.130.959
Đầu tư dài hạn	-	13.568.000.000	-	13.568.000.000
	742.845.312.022	13.568.000.000	-	756.413.312.022
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.225.128.890	-	-	35.225.128.890
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	83.459.238.292	-	-	83.459.238.292
Các khoản cho vay	366.017.312.896	-	-	366.017.312.896
Các khoản phải thu	34.505.410.433	-	-	34.505.410.433
Đầu tư dài hạn	-	10.800.000.000	-	10.800.000.000
	519.207.090.511	10.800.000.000	-	530.007.090.511

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	296.751.653.117	-	-	296.751.653.117
Phải trả người bán và phải trả khác	155.273.378.803	-	-	155.273.378.803
Chi phí phải trả	1.293.413.272	-	-	1.293.413.272
	<u><u>453.318.445.192</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>453.318.445.192</u></u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	230.112.189.825	-	-	230.112.189.825
Phải trả người bán và phải trả khác	2.302.602.538	-	-	2.302.602.538
Chi phí phải trả	4.468.325.197	-	-	4.468.325.197
	<u><u>236.883.117.560</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>236.883.117.560</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	15.863.331.292	4.342.700.415	28.970.947.375	49.176.979.082	-	49.176.979.082
Chi phí hoạt động	8.371.778.400	8.915.411.138	7.019.854.123	24.307.043.661	-	24.307.043.661
Chi phí không phân bổ	-	-	-	15.614.403.528	-	15.614.403.528
Kết quả hoạt động	7.491.552.892	(4.572.710.723)	21.951.093.252	9.255.531.893	-	9.255.531.893
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.414.699.263	341.650.459.379	374.454.438.637	718.519.597.279	-	718.519.597.279
Tài sản không phân bổ	-	-	-	191.054.535.344	-	191.054.535.344
Tổng tài sản	2.414.699.263	341.650.459.379	374.454.438.637	909.574.132.623	-	909.574.132.623
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.477.239.572	-	296.751.653.117	299.228.892.689	-	299.228.892.689
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	157.386.654.074	-	157.386.654.074
Tổng nợ phải trả	2.477.239.572	-	296.751.653.117	456.615.546.763	-	456.615.546.763

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Vay vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	4.690.523.403.409	6.059.605.020.766
Trả vốn vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	4.636.123.940.117	6.107.913.657.858
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	2.250.609.031	2.792.889.026

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	(*)	26.842.300.000	7.700.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	25.781.883.002	25.114.006.552
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	(*)	-	4.042.300.000
Phải trả tiền vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	254.291.653.117	199.892.189.825
Phải thu khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(**)	19.967.409	109.517.773
Kỹ quỹ ký cược			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(**)	655.305.000	655.305.000
Phải trả khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(**)	2.071.475.000	-

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này. Quan hệ với các bên liên quan không nhất thiết thuộc quan hệ giữa các bên liên kết theo nghị định NĐ20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017.

(**) Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.094.532.039	1.340.654.634

3208
CỘNG
HÒA
KIỂM
THẨM
LIÊNC.T.C.P
AN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Nguyễn Thị Tâm
Người lập



Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

